

Bình Dương, ngày 14 tháng 06 năm 2021

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 53/2021/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Đơn vị: **Công ty TNHH VP F&B**

Địa chỉ: 30/10 đường Hoàng Hoa Thám, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Việt Nam

Điện thoại: 983722179

Cho sản phẩm: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC IMPERIAL KID XO GT (Dành cho trẻ từ 2 đến 15 tuổi)**

Công ty sản xuất và địa chỉ sản

Namyang Dairy Products Co.,Ltd

xuất: Nhà máy Sejong Factory

836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong-city, Hàn Quốc

Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

- QCVN 11-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi
- QCVN 8 – 1: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 2: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 3: 2012/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Lưu ĐK;

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Đạt

CÔNG TY TNHH VP F&B

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 05-XOKID/VPF&B/2021

**SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC
IMPERIAL KID XO GT**

2021

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05-XOKID/VPF&B/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH VP F&B

Địa chỉ: 30/10 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0983722179

Mã số doanh nghiệp: 3702934334

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức Imperial Kid XO GT (Dành cho trẻ từ 2 đến 15 tuổi)

2. Thành phần:

Bột sữa tách béo (sữa) (bột sữa tách béo, bột whey), Bột whey, Hỗn hợp các loại dầu[dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cọ, d-tocopherol], bột Sữa Nguyên Chất, Sữa tách béo, Dextrin, Tinh thể fructose, Đạm Whey tổng hợp, Fructo-oligosaccharide, Canxi carbonate, Kali phosphate dibasic, Đạm sữa thủy phân, Lecithin (đậu nành), Hương vani, Dầu hoá anh thảo, NDA-12(dầu cá ngừ, trứng), Sắt hữu hóa, Vitamin Premix ND INF-P/01(vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin B12, canxi pantothenate, vitamin B2, vitamin B1, vitamin B6, axit folic, biotin), Canxi phosphate tribasic, Natri hydrogen carbonate, KI-180, Kali chloride, α -lactalbumin, Axit arachidonic, Kali phosphate monobasic, Natri chloride, Kali carbonate, Ma-giê phosphate dibasic, Vitamin C, Choline chloride, CPP(đạm sữa thủy phân), Taurine, Vitamin Premix ND INF O/01(vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin D3, β -carotene, vitamin K1), L-carnitine, 5'-Axit Cytidylic, Lactoferrin tổng hợp, Kẽm oxide, Disodium 5'-uridylate, Selen premix, Axit 5'-Adenylic, Cupric sulfate, Disodium 5'-guanylate, Disodium 5'-inosinate, Mangan sulfate, Kali iodide.

Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem dưới đáy sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách: khối lượng tịnh: 400 g/1 hộp, 800 g/1 hộp

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong bao bì hợp kim sắt nhôm, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định Bộ Y tế



Đơn vị sản xuất: Namyang Dairy Products Co., Ltd.
Nhà máy Sejong Factory
Địa chỉ: 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong-city, Hàn Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem nội dung nhãn sản phẩm đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 11-3:2012/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi
- QCVN 8-2:2011/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thu Thanh



Thực phẩm bổ sung

Sản phẩm dinh dưỡng công thức

Imperial Kid

XO

KID



dành cho trẻ
từ 2 đến 15 tuổi

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:

Công dụng: sản phẩm đặc chế cho trẻ ở độ tuổi từ 2 đến 15 tuổi để thay thế bữa ăn phụ cho trẻ hoặc dùng để bổ sung dinh dưỡng cho trẻ có chế độ ăn thiếu vi chất dinh dưỡng. Sản phẩm giúp trẻ biếng ăn bất kíp và duy trì đà tăng trưởng tốt.

Đối tượng sử dụng: Trẻ từ 2 đến 15 tuổi. Đặc biệt phù hợp cho trẻ biếng ăn, kém tiêu hóa

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: (1 thìa = 5,6 g)

Số lượng (cho một lần dùng)			Số lần dùng/ngày
XO KID (g)	Số lượng thìa	Lượng sản phẩm sau pha (ml)	
39	7	240	2~3

*** Cách pha**

1. Rửa sạch tay trước khi pha. Đun dụng cụ cốc/ly trong nước sôi 2 phút
2. Dùng nước đã đun sôi và để nguội khoảng 50 độ C để pha sản phẩm. Cho khoảng 2/3 lượng nước cần pha vào cốc/ly.
3. Sử dụng thìa (muỗng) có sẵn trong lon để lấy sản phẩm, dùng thanh gạt ngang để lượng sản phẩm.
4. Cho đủ lượng sản phẩm vào cốc/ly, rồi khuấy đều cho đến khi tan hoàn toàn.
5. Cho thêm lượng nước ấm đến khi đủ theo hướng dẫn, khuấy đều, để nguội đến nhiệt độ cơ thể rồi cho trẻ dùng.

Lượng cho ăn khuyến nghị ở trên dựa theo giá trị tiêu chuẩn tăng trưởng cho trẻ em của hội nhi khoa Hàn Quốc. Lượng ăn trên có thể tăng hoặc giảm dựa theo tình trạng thể chất và sức khỏe của trẻ, có thể tham khảo các tư vấn của chuyên gia y tế, dinh dưỡng.

*** Lưu ý khi sử dụng:**

- Không dùng nước sôi hoặc nước trên 50 độ C để pha sản phẩm.
- Mở nắp bằng cách hướng tay cầm lên phía trên, kéo lên và vút bỏ nắp thiếc vừa mở, cẩn thận để không bị thương bởi cạnh sắc của nắp.
- Kiểm tra thành phần nguyên liệu đối với trẻ có nguy cơ dị ứng với bất cứ thành phần nguyên liệu nào trước khi cho bé sử dụng.
- Kiểm tra hạn sử dụng và tình trạng sản phẩm trước khi dùng.
- Cho bé dùng ngay sau khi pha và không dùng lại phần thừa của lần trước.

*** Bảo quản:**

- Chỉ sử dụng sản phẩm trong vòng 20 ngày kể từ ngày mở nắp. Đóng nắp cẩn thận tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm.
- Bảo quản sản phẩm ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm và không bảo quản ở trong tủ lạnh.
- Chỉ dùng thìa (muỗng) có trong lon và bảo quản sạch sẽ ở nơi riêng biệt.

THỜI HẠN SỬ DỤNG:

Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX (MFD) / HSD (EXD): Năm/Tháng/Ngày; xem ở đáy hộp.

THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Bột sữa tách béo (sữa) (bột sữa tách béo, bột whey), Bột whey, Hỗn hợp các loại dầu (dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cỏ, d-tocopherol), bột Sữa Nguyên Chất, Sữa tách béo, Dextrin, Tinh thể fructose, Đạm Whey tổng hợp, Fructo-oligosaccharide, Canxi carbonate, Kali phosphate dibasic, Đạm sữa thủy phân, Lecithin (đậu nành), Hương vani, Dầu hoa anh thảo, NDA-12 (dầu cá ngừ, trứng), Sắt hữu hóa, Vitamin Premix ND INF-P/01 (vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin B12, canxi pantothenate, vitamin B2, vitamin B1, vitamin B6, axit folic, biotin), Canxi phosphate tribasic, Natri hydrogen carbonate, KI-180, Kali chloride, α -lactalbumin, Axit arachidonic, Kali phosphate monobasic, Natri chloride, Kali carbonate, Ma-giê phosphate dibasic, Vitamin C, Choline chloride, CPP (đạm sữa thủy phân), Taurine, Vitamin Premix ND INF O/01 (vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin D3, β -carotene, vitamin K1), L-carnitine, 5'-Axit Cytidylic, Lactoferrin tổng hợp, Kẽm oxide, Disodium 5'-uridylylate, Selen premix, Axit 5'-Adenylic, Cupric sulfate, Disodium 5'-guanylate, Disodium 5'-inosinate, Mangan sulfate, Kali iodide.

Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ.

CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Chất liệu bao bì: Đóng gói trong hộp hợp kim sắt nhôm phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

Khối lượng tịnh: 400 g

XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÃN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

Số ĐKCB:/2021/ĐKSP, Xuất xứ: Hàn Quốc

Sản xuất tại: Namyang Dairy Products Co., Ltd.

Nhà máy Sejong Factory

Địa chỉ: 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong-city, Hàn Quốc

Công ty nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

Công ty TNHH VP F&B

Địa chỉ: 30/10 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

HOTLINE: 1900 7169

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ.



Thực phẩm bổ sung

Imperial Kid

XO KID



Sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 2 đến 15 tuổi

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:

Công dụng: Sản phẩm đặc chế cho trẻ ở độ tuổi từ 2 đến 15 tuổi để thay thế bữa ăn phụ cho trẻ hoặc dùng để bổ sung dinh dưỡng cho trẻ có chế độ ăn thiếu vi chất dinh dưỡng. Sản phẩm giúp trẻ biếng ăn bất kíp và duy trì đà tăng trưởng tốt.

Đối tượng sử dụng: Trẻ từ 2 đến 15 tuổi. Đặc biệt phù hợp cho trẻ biếng ăn, kém tiêu hóa

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

* **Cách dùng:** 1 thìa = 5,6 g

Số lượng (cho một lần dùng)			Số lần dùng/ngày
XO KID (g)	Số lượng thìa	Lượng sản phẩm sau pha (ml)	
39	7	240	2 ~ 3

* Cách pha

1. Rửa sạch tay trước khi pha. Đun dụng cụ cốc/ly trong nước sôi 2 phút
2. Dùng nước đã đun sôi và để nguội khoảng 50 độ C để pha sản phẩm. Cho khoảng 2/3 lượng nước cần pha vào cốc/ly.
3. Sử dụng thìa (muỗng) có sẵn trong lon để lấy sản phẩm, dùng thanh gạt ngang để lường sản phẩm.
4. Cho đủ lượng sản phẩm vào cốc/ly, rồi khuấy đều cho đến khi tan hoàn toàn.
5. Cho thêm lượng nước ấm đến khi đủ theo hướng dẫn, khuấy đều, để nguội đến nhiệt độ cơ thể rồi cho trẻ dùng.

Lượng cho ăn khuyến nghị ở trên dựa theo giá trị tiêu chuẩn tăng trưởng cho trẻ em của hội nhi khoa Hàn Quốc. Lượng ăn trên có thể tăng hoặc giảm dựa theo tình trạng thể chất và sức khỏe của trẻ, có thể tham khảo các tư vấn của chuyên gia y tế, dinh dưỡng.

* Lưu ý khi sử dụng:

- Không dùng nước sôi hoặc nước trên 50 độ C để pha sản phẩm.
- Mở nắp bằng cách hướng tay cầm lên phía trên, kéo lên và vút bỏ nắp nắp thiếc vừa mở, cẩn thận để không bị thương bởi cạnh sắc của nắp.
- Kiểm tra thành phần nguyên liệu đối với trẻ có nguy cơ dị ứng với bất cứ thành phần nguyên liệu nào trước khi cho bé sử dụng.
- Kiểm tra hạn sử dụng và tình trạng sản phẩm trước khi dùng.
- Cho bé dùng ngay sau khi pha và không dùng lại phần thừa của lần trước.

* Bảo quản:

- Chỉ sử dụng sản phẩm trong vòng 20 ngày kể từ ngày mở nắp. Đóng nắp cẩn thận tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm.
- Bảo quản sản phẩm ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm và không bảo quản ở trong tủ lạnh.
- Chỉ dùng thìa (muỗng) có trong lon và bảo quản sạch sẽ ở nơi riêng biệt.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ.

THỜI HẠN SỬ DỤNG:

Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX (MFD) / HSD (EXD): Năm/Tháng/Ngày: xem ở đáy hộp.

THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Bột sữa tách béo (sữa) (bột sữa tách béo, bột whey), Bột whey, Hỗn hợp các loại dầu (dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cọ, d-tocopherol), bột Sữa Nguyên Chất, Sữa tách béo, Dextrin, Tinh thể fructose, Đạm Whey tổng hợp, Fructo-oligosaccharide, Canxi carbonate, Kali phosphate dibasic, Đạm sữa thủy phân, Lecithin (đậu nành), Hương vani, Dầu hoa anh thảo, NDA-12 (đầu cá ngừ, trứng), Sắt nhũ hóa, Vitamin Premix ND INF-P/01 (vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin B12, canxi pantothenate, vitamin B2, vitamin B1, vitamin B6, axit folic, biotin), Canxi phosphate tribasic, Natri hydrogen carbonate, KI-180, Kali chloride, α-lactalbumin, Axit arachidonic, Kali phosphate monobasic, Natri chloride, Kali carbonate, Ma-giê phosphate dibasic, Vitamin C, Choline chloride, CPP (đạm sữa thủy phân), Taurine, Vitamin Premix ND INF O/01 (vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin D3, β-carotene, vitamin K1), L-carnitine, 5'-Axit Cytidylic, Lactoferrin tổng hợp, Kẽm oxide, Disodium 5'-uridylate, Selen premix, Axit 5'-Adenylic, Cupric sulfate, Disodium 5'-guanylate, Disodium 5'-inosinate, Mangan sulfate, Kali iodide. Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ.

CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Chất liệu bao bì: Đóng gói trong hộp hợp kim sắt nhôm phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

Khối lượng tịnh: 800 g

XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÃN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

Số ĐKCB:/2021/ĐKSP Xuất xứ: Hàn Quốc

Sản xuất tại: Namyang Dairy Products Co., Ltd.

Nhà máy Sejong Factory

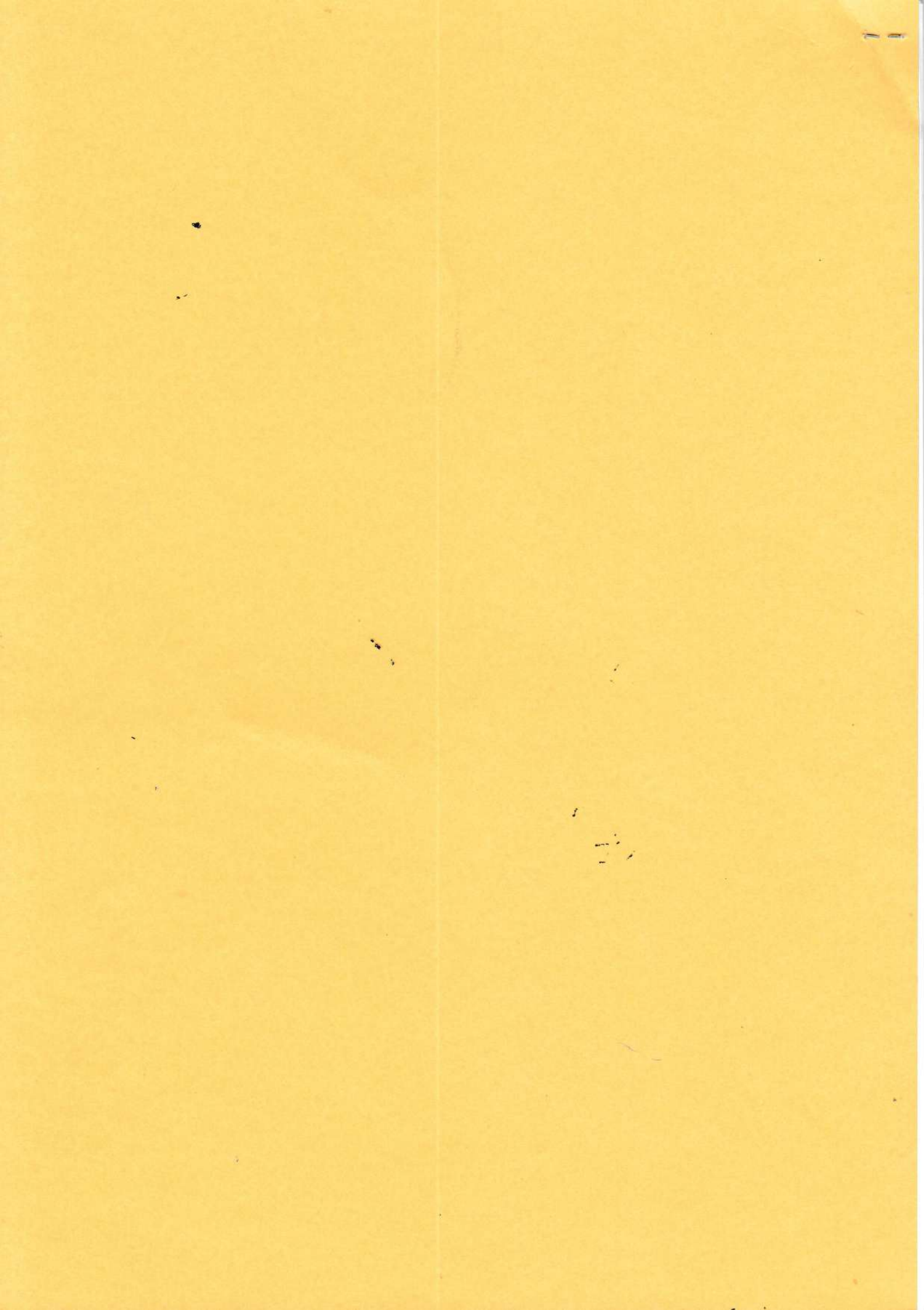
Địa chỉ: 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong-city, Hàn Quốc

Công ty nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty TNHH VP F&B

Địa chỉ: 30/10 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

HOTLINE: 1900 7169





Enjoy the Quality

Namyang**Namyang Dairy Product Co., Ltd. R&D Center**

Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City

Tel: 041)856-0381~3, Fax: 041) 857-7933

CERTIFICATE OF ANALYSIS

14-05-2021

Date : 12 Mar 2021

Product : Imperial Kid XO GT

Manufacturer : Namyang Dairy Product Co., Ltd. R&D Center

*Nguyễn Thị Thu Chanh***PHÓ GIÁM ĐỐC**

Items	Unit	Label Claim/100g	COA Result/100g	COA Result/100Kcal	Method of analysis
Energy	kcal	468	475	76.05 kcal/100mL	Korean Food Code
Protein	g	17	17.5	3.7	KJELDAHL method IDF 20A : 1986
Fat	g	20	20.6	4.3	RoseGottlieb Reference method IDF 9C : 1987
Carbohydrate	g	55	56.6	11.9	AOAC methods
Linoleic acid	g	4	4.1	0.9	GC
α -Linolenic acid	mg	350	360	75.8	GC
γ -Linolenic acid	mg	15	15.4	3.2	GC
Sodium	mg	200	206	43.4	IDF 119A : 1987
Vitamin A	μ GRE	510	525	110.5	AOAC methods
Vitamin B ₁	μ g	600	618	130.1	AOAC methods
Vitamin B ₂	μ g	1000	1030	216.8	AOAC methods
Vitamin B ₆	μ g	600	619	130.3	AOAC methods
Vitamin B ₁₂	μ g	2	2.05	0.4	AOAC methods
Vitamin C	mg	80	82	17.3	AOAC methods
Vitamin D ₃	μ g	8.8	9.1	1.9	AOAC methods
Vitamin E	mg α -TE	4.8	4.9	1.0	AOAC methods
Vitamin K ₁	μ g	25	25.7	5.4	AOAC methods
Niacin	μ g	8000	8240	1734.7	AOAC methods
Pantothenic acid	μ g	2000	2060	433.7	AOAC methods
Folic acid	μ g	50	51.4	10.8	AOAC methods
Biotin	μ g	20	20.7	4.4	AOAC methods
Taurine	mg	35	36.1	7.6	AOAC methods
Choline	mg	50	51.6	10.9	Gravimetry EC method
Potassium	mg	750	772	162.5	IDF 119A : 1984
Calcium	mg	850	875	184.2	IDF 36A : 1992
Chloride	mg	350	361	76.0	IDF 88A : 1988
Phosphorus	mg	470	484	101.9	AOAC methods



Enjoy the Quality
Namyang

Namyang Dairy Product Co., Ltd. R&D Center

Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City

Tel: 041)856-0381~3, Fax: 041) 857-7933

Magnesium	mg	40	41.3	8.7	AOAC methods
Iron	mg	8	8.25	1.7	AOAC methods
Zinc	mg	3.5	3.6	0.8	AOAC methods
Copper	μg	320	329	69.3	IDF 76 A : 1980
Iodine	μg	90	92.7	19.5	AOAC methods
Manganese	μg	30	31	6.5	AOAC methods
Selenium	μg	15	15.5	3.3	AOAC methods
Fructo-Oligosaccharide	mg	800	825	173.7	HPLC methods
Phospholipid	mg	300	309	65.1	AOAC methods
Sphingomyelin	mg	5	5.2	1.1	HPLC methods
DHA	mg	10	10.3	2.2	AOAC methods
EPA	mg	6	6.2	1.3	AOAC methods
ARA	mg	10	10.3	2.2	GC
α -lactalbumin	mg	1700	1752	368.8	HPLC methods
Casein phospho peptide	mg	10	10.4	2.2	HPLC methods
Lactoferrin	mg	30	31	6.5	HPLC methods
β -carotene	μg	60	61.5	12.9	AOAC methods
Nucleotides	mg	12	12.4	2.6	AOAC methods
L-carnitine	mg	10	10.5	2.2	HPLC methods

Namyang Dairy Product Co., Ltd. R&D Center



Imperial Kid XO GT

PHYSICAL ANALYSIS

Scorched particles : Disk A(admi)
coloring agent : None
flavor : Vanilla
preservatives : None

MICROBIOLOGICAL TEST

Microbiological analysis	Standard	Results	Method of analysis
Salmonella	absence in 25g	Absence	IDF 94 B : 1985
Enterobacter sakazakii	absence in 10g	Absence	ISO/TS 22964:2006
Enterobacteriaceae	absence in 10g	Absence	ISO 21528-1:2004
Bacillus cereus	Max. 50/g	Absence	Holbrook & Anderson PEMBA Oxoid
Listeria monocytogenes	Max. 100/g	Absence	ISO 11290-1:2017
Staphylococcal enterotoxins	absence in 25g	Absence	ISO 19020:2017
Staphylococci are coagulase positive	Max. 10/g	Absence	ISO 6888-3:2003

HEAVY METAL ANALYSIS

TEST RESULTS

Heavy-Metal Analysis	Unit	Standard	Results	Method of analysis
<i>As (Arsenic)</i>	mg/kg	Max 0.5	Absence	AOAC 986.15
<i>Lead (Pb)</i>	mg/kg	Max 0.02	Absence	AOAC 986.15
<i>Mercury (Hg)</i>	mg/kg	Max 0.05	Absence	AOAC 971.21
<i>Cadmium (Cd)</i>	mg/kg	Max 1.0	Absence	AOAC 986.15
<i>Tin (Sn)</i>	mg/kg	Max 250	Absence	AOAC 985.16

Namyang Dairy Product Co., Ltd. R&D Center

Imperial Kid XO GT

■ MYCOTOXIN TEST

Mycotoxin Test	Unit	Standard	Results	Method of analysis
<i>Aflatoxin M1</i>	µg/kg	Max 0.5	Not Detected (below 0.01)	Korean Food Code 9-6-4(LC)

■ WATER-SOLUBLE PESTICIDE RESIDUE TEST

Water-soluble Pesticide Residue Test	Unit	Standard	Results	Method of analysis
<i>Endosulfan</i>	mg/kg	Max 0.01	Not Detected	Korean Food Code 9-4-19

■ FAT-SOLUBLE PESTICIDE RESIDUE TEST

Fat-soluble Pesticide Residue Test	Unit	Standard	Results	Method of analysis
<i>Aldrin and dieldrin</i>	mg/kg	Max 0.006	Not Detected	Korean Food Code 9-4-19
<i>Cyfluthrin</i>	mg/kg	Max 0.04	Not Detected	Korean Food Code 9-4-19
<i>DDT</i>	mg/kg	Max 0.02	Not Detected	Korean Food Code 9-4-19
<i>Ochratoxin A</i>	µg/kg	Max 0.5	Not Detected	Korean Food Code 9-2-6
<i>Patulin</i>	µg/kg	Max 10	Not Detected	Korean Food Code 9-2-4
<i>Deoxynivalenol</i>	µg/kg	Max 200	Not Detected	Korean Food Code 9-2-7
<i>Zearalenone</i>	µg/kg	Max 20	Not Detected	Korean Food Code 9-2-8
<i>Total Fumonisin (FB1, FB2)</i>	µg/kg	Max 200	Not Detected	Korean Food Code 9-2-5

Namyang Dairy Product Co., Ltd. R&D Center

Namyang Dairy Product
Co., Ltd. R&D Center
Janggi-ro 836-11
Janggun-Myeon, Sejong City
Korea
Tel: 041) 856-0381~3
Fax: 041) 857-7933

CERTIFICATE of TEST

page (1) of (2)

1. Inquiry No.: 2021-I-0308

Publication No : 2021-I-0312

2. Client

○ Organic name : Baby/Infant Foods Research Team

○ Address : Research and Development Center, Namyang Dairy Products Corporation, Janggi-ro
836-11, Janggun-Myeon, Sejong City, Korea

○ Inquiry date : 08-Mar-2021

3. Use of Report : Confirmation of melamine contents in the exportable infant formula

4. Sample name : 10 products including IMPERIAL DREAM XO 1 GT 400G (2020.04.20)

5. Testing date : 08-Mar-2021 ~ 12-Mar-2021

6. Testing Environment

Temperature : (24 ± 1) °C, Relative Humidity : (44 ± 2)% R.H

7. Test result :

TEST ITEM	UNIT	RESULT	TEST METHOD
Melamine	mg/kg	IMPERIAL DREAM XO 1 GT 400G (2020.04.20)	US FDA Certified Method (HPLC)
		IMPERIAL DREAM XO 2 GT 400G (2019.12.12)	
		IMPERIAL DREAM XO 3 GT 800G (2020.12.11)	
		IMPERIAL DREAM XO 3 GT 800G (2020.12.12)	
		IMPERIAL DREAM XO 4 GT 800G (2020.12.11)	
		IMPERIAL MOM XO GT 400G (2020.12.31)	
		IMPERIAL MOM XO GT 800G (2020.12.30)	



Namyang Dairy Product
Co., Ltd. R&D Center
Janggi-ro 836-11
Janggun-Myeon, Sejong City
Korea
Tel: 041)856-0381~3
Fax: 041) 857-7933

CERTIFICATE of TEST

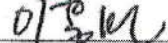
page (2) of (2)

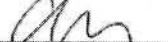
TEST ITEM	UNIT	RESULT		TEST METHOD
Melamine	mg/kg	IMPERIAL MOM XO GT 800G (2020.12.31)	ND*	US FDA Certified Method (HPLC)
		IMPERIAL MAJESTY XO CARE 800G (2021.02.08)		
		IMPERIAL KID XO GT 800G (2021.01.14)		

NOTE : 1. The test report is the result about the sample which the offers.


2. The results have been made for the sample presented by the client, and it is the decision of the client naming the presented sample.

3. ND* : Not Detected.

© Test Performer : Hong-Min Lee signature 

© Test Manager : Jang-Hyuk Ann signature 

2021. 03. 12

Namyang Dairy Product Co., Ltd. Research & Development Center 



CHỨNG NHẬN PHÂN TÍCH

Ngày: 12/03/2021

Sản phẩm : Imperial Kid XO GT

Nhà sản xuất: NamYang Dairy Products Co., Ltd, Hàn Quốc. Trung tâm R&D

Mục	Đơn vị	Xác nhận trên Nhãn/100g	Kết quả COA/100g	Kết quả COA/100Kcal	Phương pháp phân tích
Năng lượng	kcal	468	475	76,05 kcal/100mL	Đạo luật Thực phẩm Hàn Quốc
Chất đạm	g	17	17,5	3,7	Phương pháp KJELDAHL IDF 20A:1986
Chất béo	g	20	20,6	4,3	Phương pháp Tham chiếu Rose Gottlieb IDF 9C:1987
Carbohydrate	g	55	56,6	11,9	Phương pháp AOAC
Axít Linoleic	g	4	4,1	0,9	GC
Axít α -Linolenic	mg	350	360	75,8	GC
Axít γ -Linolenic	mg	15	15,4	3,2	GC
Natri	mg	200	206	43,4	IDF 119A : 1987
Vitamin A	μ gRE	510	525	110,5	Phương pháp AOAC
Vitamin B ₁	μ g	600	618	130,1	Phương pháp AOAC
Vitamin B ₂	μ g	1000	1030	216,8	Phương pháp AOAC
Vitamin B ₆	μ g	600	619	130,3	Phương pháp AOAC
Vitamin B ₁₂	μ g	2	2,05	0,4	Phương pháp AOAC
Vitamin C	mg	80	82	17,3	Phương pháp AOAC
Vitamin D ₃	μ g	8,8	9,1	1,9	Phương pháp AOAC
Vitamin E	mg α -TE	4,8	4,9	1	Phương pháp AOAC
Vitamin K ₁	μ g	25	25,7	5,4	Phương pháp AOAC
Niacin	μ g	8000	8240	1734,7	Phương pháp AOAC
Axít Pantothenic	μ g	2000	2060	433,7	Phương pháp AOAC
Axít Folic	μ g	50	51,4	10,8	Phương pháp AOAC
Biotin	μ g	20	20,7	4,4	Phương pháp AOAC

Choline	mg	50	51,6	10,9	Phương pháp trọng lượng EC
Kali	mg	750	772	162,5	IDF 119A : 1984
Canxi	mg	850	875	184,2	IDF 36A : 1992
Clo	mg	350	361	76	IDF 88A : 1988
Phốt pho	mg	470	484	101,9	Phương pháp AOAC
Magie	mg	40	41,3	8,7	Phương pháp AOAC
Sắt	mg	8	8,25	1,7	Phương pháp AOAC
Kẽm	mg	3,5	3,6	0,8	Phương pháp AOAC
Đồng	µg	320	329	69,3	IDF 76 A : 1980
Iốt	µg	90	92,7	19,5	Phương pháp AOAC
Mangan	µg	30	31	6,5	Phương pháp AOAC
Selen	µg	15	15,5	3,3	Phương pháp AOAC
Fructo-Oligosaccharide	mg	800	825	173,7	Phương pháp HPLC
Phospholipid	mg	300	309	65,1	Phương pháp AOAC
Sphingomyelin	mg	5	5,2	1,1	Phương pháp HPLC
DHA	mg	10	10,3	2,2	Phương pháp AOAC
EPA	mg	6	6,2	1,3	Phương pháp AOAC
ARA	mg	10	10,3	2,2	GC
α-lactalbumin	mg	1700	1752	368,8	Phương pháp HPLC
Casein phospho peptide	mg	10	10,4	2,2	Phương pháp HPLC
Lactoferrin	mg	30	31	6,5	Phương pháp HPLC
β-carotene	µg	60	61,5	12,9	Phương pháp AOAC
Nucleotides	mg	12	12,4	2,6	Phương pháp AOAC
L-carnitine	mg	10	10,5	2,2	Phương pháp HPLC

Imperial Kid XO GT

PHÂN TÍCH VẬT LÝ

Các hạt cháy sém:	Đĩa A (admi)
Chất tạo màu:	Không có
Mùi:	Vanilla
Chất bảo quản	Không có

KIỂM NGHIỆM VI SINH

Phân tích vi sinh	Tiêu chuẩn	Kết quả	Phương pháp phân tích
<i>Salmonella</i>	Không có trong 25g	Không có	IDF 94 B : 1985
<i>Enterobacter sakazakii</i>	Không có trong 10g	Không có	ISO/TS 22964:2006
<i>Enterobacteriaceae</i>	Không có trong 10g	Không có	ISO 21528-1:2004
<i>Bacillus cereus</i>	Tối đa 50/g	Không có	Holbrook & Anderson PEMBA Oxoid
<i>Listeria monocytogenes</i>	Tối đa 100/g	Không có	ISO 11290-1:2017
<i>Staphylococcal enterotoxins</i>	Không có trong 25g	Không có	ISO 19020:2017
<i>Staphylococci are coagulase positive</i>	Tối đa 10/g	Không có	ISO 6888-3:2003

PHÂN TÍCH KIM LOẠI NẶNG

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Phân tích kim loại nặng	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả	Phương pháp phân tích
<i>As (Arsenic)</i>	mg/kg	Tối đa 0,5	Không có	AOAC 986.15
<i>Lead (Pb)</i>	mg/kg	Tối đa 0,5	Không có	AOAC 986.15
<i>Mercury (Hg)</i>	mg/kg	Tối đa 0,05	Không có	AOAC 971.21
<i>Cadmium (Cd)</i>	mg/kg	Tối đa 1,0	Không có	AOAC 986.15
<i>Tin (Sn)</i>	mg/kg	Tối đa 250	Không có	AOAC 985.16

Imperial Kid XO GT

■ KIỂM NGHIỆM MYCOTOXIN

Kiểm nghiệm Mycotoxin	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả	Phương pháp phân tích
<i>Aflatoxin M1</i>	µg/kg	Tối đa 0,5	Không phát hiện (dưới 0,01)	Korean Food Code 9-6-4(LC)

■ KIỂM TRA TỒN DƯ THUỐC TRỪ SÂU HÒA TAN TRONG NƯỚC

Kiểm tra tồn dư thuốc trừ sâu hòa tan trong nước	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả	Phương pháp phân tích
<i>Endosulfan</i>	mg/kg	Tối đa 0,01	Không phát hiện	Korean Food Code 9-4-19

■ KIỂM TRA TỒN DƯ THUỐC TRỪ SÂU HÒA TAN TRONG BÉO

Kiểm tra tồn dư thuốc trừ sâu hòa tan trong béo	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả	Phương pháp phân tích
<i>Aldrin and dieldrin</i>	mg/kg	Tối đa 0,006	Không phát hiện	Korean Food Code 9-4-19
<i>Cyfluthrin</i>	mg/kg	Tối đa 0,04	Không phát hiện	Korean Food Code 9-4-19
<i>DDT</i>	mg/kg	Tối đa 0,02	Không phát hiện	Korean Food Code 9-4-19
<i>Ochratoxin A</i>	µg/kg	Tối đa 0,5	Không phát hiện	Korean Food Code 9-2-6
<i>Patulin</i>	µg/kg	Tối đa 10	Không phát hiện	Korean Food Code 9-2-4
<i>Deoxynivalenol</i>	µg/kg	Tối đa 200	Không phát hiện	Korean Food Code 9-2-7
<i>Zearalenone</i>	µg/kg	Tối đa 20	Không phát hiện	Korean Food Code 9-2-8
<i>Total Fumonisin (FB1, FB2)</i>	µg/kg	Tối đa 200	Không phát hiện	Korean Food Code 9-2-5

Namyang Dairy Product
Co., Ltd. Trung tâm R&D
Janggun-Myeon, Thành phố Sejong
Hàn Quốc
ĐT: 041)856-0381-3
Fax: 041)857-7933

CHỨNG NHẬN KIỂM NGHIỆM

Trang (1) trên (2)

1. Số Truy vấn: 2021-1-0308

Tài liệu Số: 2021-1-0312

2. Khách hàng

Tên đơn vị: Đội Nghiên cứu Thực phẩm dành cho Trẻ sơ sinh/Trẻ nhỏ

Địa chỉ: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển, Namyang Dairy Products Corporation, Janggi-ro 836-11, Janggun-Myeon, Thành phố Sejong, Hàn Quốc

Ngày Truy vấn: 08/03/2021

3. Mục đích sử dụng Báo cáo: Xác nhận hàm lượng melamine trong sữa công thức cho trẻ sơ sinh xuất khẩu

4. Tên mẫu: 10 sản phẩm bao gồm SỮA BỘT IMPERIAL DREAM XO 1 GT 400G (20.04.2020)

5. Ngày kiểm nghiệm: 08/03/2021 ~ 12/03/2021

6. Môi trường Kiểm nghiệm

Nhiệt độ: $(24 \pm 1)^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tương đối: $(44 \pm 2)\%\text{R.H}$

7. Kết quả kiểm nghiệm:

MỤC KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM
Melamine	mg/kg	IMPERIAL DREAM XO 1 GT 400 G (20.04.2020)	ND* Phương pháp Chứng nhận FDA US (HPLC)
		IMPERIAL DREAM XO 2 GT 400 G (12.12.2019)	
		IMPERIAL DREAM XO 3 GT 800 G (11.12.2020)	
		IMPERIAL DREAM XO 3 GT 800 G (12.12.2020)	
		IMPERIAL DREAM XO 4 GT 800 G (11.12.2020)	
		IMPERIAL MOM XO GT 400 G (31.12.2020)	
		IMPERIAL MOM XO GT 800 G (30.12.2020)	

Namyang Dairy Product
Co., Ltd. Trung tâm R&D
Janggun-Myeon, Thành phố Sejong
Hàn Quốc
ĐT: 041)856-0381-3
Fax: 041)857-7933

CHỨNG NHẬN KIỂM NGHIỆM

Trang (2) trên (2)

MỤC KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM
Melamine	mg/kg	IMPERIAL MOM XO GT 800 G (31.12.2020)	ND*	Phương pháp Chứng nhận FDA US (HPLC)
		IMPERIAL MAJESTY XO CARE 800 G (08.02.2021)		
		IMPERIAL KID XO GT 800 G (14.01.2021)		

LƯU Ý: 1. Báo cáo kiểm nghiệm là kết quả của mẫu được đề nghị.

2. Các kết quả thể hiện cho mẫu đại diện mà khách hàng cung cấp, và tên của mẫu đại diện phụ thuộc vào quyết định của khách hàng.

3. ND*: Không phát hiện

⊗ Người kiểm nghiệm: Hong-Min Lee chữ ký (Đã ký)

⊗ Quản lý kiểm nghiệm: Jang-Hyuk Ann chữ ký (Đã ký)

12.03.2021

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Namyang Dairy Product Co.,Ltd

Tôi, **Trần Thanh Tùng**, giấy Chứng Minh Nhân Dân số 022970704, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Người dịch



Trần Thanh Tùng

Ngày 17 tháng 5 năm 2021
(Bằng chữ: Ngày mười bảy tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi một)
Tại Ủy ban Nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tôi, **Đỗ Thị Thúy Nga** là Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận 1.
Chứng thực ông **Trần Thanh Tùng** là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: 11742
Quyển số: 5/2021-SCT/CKND

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Phó Trưởng phòng Tư Pháp Quận 1



Đỗ Thị Thúy Nga

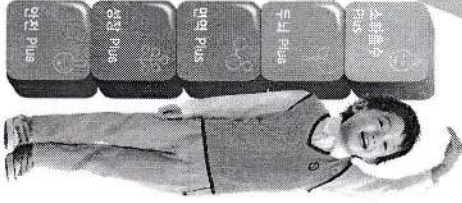
성분	함량	비율
Fructose	10g	10%
Glucose	10g	10%
Starch	10g	10%
Water	10g	10%
...

본 제품은 50°C 이하의 온도로 섭취하십시오. 50°C 이상으로 섭취하면 위장장애를 일으킬 수 있습니다. 또한, 어린이의 섭취를 금지합니다.

성분	함량	비율
Fructose	10g	10%
Glucose	10g	10%
Starch	10g	10%
Water	10g	10%
...



Taller and Taller Everyday!
for Picky Eater
2-15 Ages Kids Formula



MADE IN KOREA



항우가 다르게 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

맛있는 카우고 치즈는 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

특별한 맛 - 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

특별한 맛 - 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

특별한 맛 - 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

특별한 맛 - 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

특별한 맛 - 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

특별한 맛 - 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

특별한 맛 - 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

특별한 맛 - 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

특별한 맛 - 맛있게 먹을 수 있는 이유 - 더 크고 좋아하는 카우고 치즈
만 24-5세 사이의 어린이에게서 신장기능을 발달시키는 데 도움이 되는 맛과 향이 있습니다. 카우고 치즈는 이 기간에 중요한 영양을 함유하고 있으며, 단백질과 칼슘이 풍부합니다. 특히, 맛과 향이 마음에 들지 않으면, 영양을 섭취할 수 없습니다. 'Imperial Card XO GI'를 꼭 꼭 즐겨주세요!

C, M, K, P300C, P4505C

Enjoy the Quality
Namyang



SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC

Imperial Kid XO



Dinh dưỡng cân đối cho sự phát triển của trẻ từ 2 - 15 tuổi.

Khi việc bổ sung và cân bằng dinh dưỡng là điều cần thiết cho trẻ,

Khi khả năng hấp thụ và tiêu hóa các chất dinh dưỡng trong thực phẩm của trẻ kém,

Sữa 「Imperial KID XO GT」 của tập đoàn Namyang là dành cho con của bạn.

Tập đoàn Namyang nắm giữ bí quyết về thành phần dinh dưỡng đặc biệt dành cho trẻ!

Cao hơn mỗi ngày!

Cho Trẻ Kén Ăn

Công thức cho trẻ từ 2 đến 15 tuổi

Vanilla
400 g

Dinh dưỡng trên 100gr

Dinh dưỡng trên 100gr		Vitamin B ₆		Kali		Phospholipid	
Năng lượng	468 kcal	Vitamin B ₁₂	2 µg	Canxi	850 mg	Sphingomyelin	5 mg
Đạm	17 g	Vitamin C	80 mg	Clorua	350 mg	DHA	10 mg
Chất béo	20 g	Vitamin D ₃	8.8 µg	Phot pho	470 mg	EPA	6 mg
Bột đường	55 g	Vitamin E	4.8 mgα-TE	Ma-giê	40 mg	ARA	10 mg
Axit Linoleic	4 g	Vitamin K ₁	25 µg	Sắt	8 mg	α-lactalbumin	1700 mg
Axit α-Linolenic	350 mg	Niacin	8000 µg	Kẽm	3.5 mg	Casein phospho peptide	10 mg
Axit γ-Linolenic	15 mg	Axit Pantothenic	2000 µg	Đồng	320 µg	Lactoferrin	30 mg
Natri	200 mg	Axit Folic	50 µg	I-ốt	90 µg	β-carotene	60 µg
Vitamin A	510 µgRE	Biotin	20 µg	Mangan	30 µg	Nucleotides	12 mg
Vitamin B ₁	600 µg	Taurine	35 mg	Selen	15 µg	L-carnitine	10 mg
Vitamin B ₂	1000 µg	Choline	50 mg	Fructo-oligosaccharide	800 mg		

Hướng dẫn sử dụng (1 thìa: 5,6g)

SỐ LƯỢNG CHO 1 KHẨU PHẦN			Số lần uống mỗi ngày
Imperial KID XO GT	Số lượng thìa ước lượng	Lượng nước sau pha	
39 g	7	240 ml	2~3 lần

- Chuẩn bị sẵn nước đun sôi để nguội, nước ấm (50°C), rót vào trong cốc 2/3 số nước cần dùng cho 1 lần sử dụng.
- Đổ khoảng 39g sữa Imperial KID XO GT (7 thìa đầy) vào cốc và khuấy cho đến khi tan hết.
- Đổ thêm nước ấm cho đủ 240ml và cho trẻ ăn khi nhiệt độ của sữa bằng với nhiệt độ cơ thể.

Chú ý

- Chuẩn bị cho mỗi lần sử dụng và không cho bé dùng lại sữa thừa.
- Lấy thìa ở dưới nắp để sử dụng. Sau khi dùng, đặt lại thìa vào vị trí cũ.
- Cẩn thận để không bị thương khi gỡ thìa mỗi lần sử dụng.
- Sử dụng trong vòng 3 tuần sau khi mở nắp, và không để sữa trong tủ lạnh.
- Cẩn trọng khi mở nắp, lưu trữ và vứt bỏ. Lớp thiếc bên trong phải tháo bỏ ngay khi mở nắp.
- Kiểm tra kỹ các nguyên liệu xem trẻ có bị dị ứng với thành phần nào không trước khi cho trẻ sử dụng.

Nguyên liệu thô

- Tên sản phẩm : Imperial KID XO GT • Nhóm thực phẩm : Dành cho trẻ em • Khối lượng tịnh : 400 g
- Hạn sử dụng : Xem dưới đáy lon.
- Nguyên liệu thô : Bột sữa tách béo (sữa) (bột sữa tách béo, bột whey), Bột whey, Hỗn hợp các loại dầu [dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cọ, d-tocopherol], bột Sữa Nguyên Chất, Sữa tách béo, Dextrin, Tinh thể fructose, Đạm Whey tổng hợp, Fructo-oligosaccharide, Canxi carbonate, Kali phosphate dibasic, Đạm sữa thủy phân, Lecithin (đậu nành), Hương vani, Dầu hoa anh thảo, NDA-12(dầu cá ngừ, trứng), Sắt nhũ hóa, Vitamin Premix ND INF-P/01(vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin B₁₂, canxi pantothenate, vitamin B₂, vitamin B₁, vitamin B₆, axit folic, biotin), Canxi phosphate tribasic, Natri hydrogen carbonate, KI-180, Kali chloride, α-lactalbumin, Axit arachidonic, Kali phosphate monobasic, Natri chloride, Kali carbonate, Ma-giê phosphate dibasic, Vitamin C, Choline chloride, CPP(đạm sữa thủy phân), Taurine, Vitarnin Premix ND INF O/01(vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin D₃, β-carotene, vitamin K₁), L-carnitine, 5'-Axit Cytidylic, Lactoferrin tổng hợp, Kẽm oxide, Disodium 5'-uridylylate, Selen premix, Axit 5'-Adenylic, Cupric sulfate, Disodium 5'-guanylate, Disodium 5'-inosinate, Mangan sulfate, Kali iodide.
Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ
- Nơi đổi hoặc trả sản phẩm: nơi mua • Bảo quản: nhiệt độ phòng • Lon sữa này có thể được tái chế.
- Sản xuất bởi Namyang Dairy Products Co., Ltd. (Trụ sở chính) 240 Dosandae-ro Gangnam-gu, Seoul, Hàn Quốc (Nhà máy) 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong, Hàn Quốc.



STEEL
Cap: LDPE
Inner lid: Aluminum
Nitrogen Filling

Các giai đoạn cho sự tăng trưởng từng ngày về thể chất và trí tuệ của trẻ - sự lựa chọn tốt nhất cho các mẹ muốn nuôi dưỡng con cao hơn và thông minh hơn mỗi ngày là sữa 「Imperial KID XO GT」 của tập đoàn Namyang

Trẻ em từ hai đến mười lăm tuổi, tại thời điểm chuyển đổi chế độ ăn từ trẻ sơ sinh sang người lớn, có khác biệt về dinh dưỡng. Trong khoảng thời gian này trẻ nhanh chóng phát triển chiều cao, do đó trẻ có nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt, để tránh sự mất cân bằng về dinh dưỡng ảnh hưởng đến sự phát triển của vóc dáng và não bộ. Imperial KID XO của Namyang là giải pháp tốt nhất cho dinh dưỡng hợp lý trong giai đoạn tăng trưởng một khi đã qua thì rất khó bù đắp lại!

Vị ngon của bột sữa nguyên chất

Bột sữa ngon GT được sản xuất từ sữa tươi lấy từ nông trại mang đến vị sữa thật nguyên chất với nhiều dưỡng chất và sử dụng phương pháp đóng gói với khí ni tơ để giữ trọn nguồn dinh dưỡng phong phú và duy trì hương vị tươi mới của sản phẩm.

Enjoy the Quality
Namyang



SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC

Imperial Kid XO



Dinh dưỡng cân đối cho sự phát triển của trẻ từ 2 - 15 tuổi.
Khi việc bổ sung và cân bằng dinh dưỡng là điều cần thiết cho trẻ,
Khi khả năng hấp thụ và tiêu hóa các chất dinh dưỡng trong thực phẩm của trẻ kém,
Sữa 「Imperial KID XO GT」 của tập đoàn Namyang là dành cho con của bạn.
Tập đoàn Namyang nắm giữ bí quyết về thành phần dinh dưỡng đặc biệt dành cho trẻ!

Cao hơn mỗi ngày!

Cho Trẻ Kén Ăn

Công thức cho trẻ từ 2 đến 15 tuổi

Vanilla
800 g

Dinh dưỡng trên 100gr

Dinh dưỡng trên 100gr		Vitamin B ₆		Kali		Phospholipid	
Năng lượng	468 kcal	Vitamin B ₁₂	2 µg	Canxi	850 mg	Sphingomyelin	5 mg
Đạm	17 g	Vitamin C	80 mg	Clorua	350 mg	DHA	10 mg
Chất béo	20 g	Vitamin D ₃	8.8 µg	Phot pho	470 mg	EPA	6 mg
Bột đường	55 g	Vitamin E	4.8 mgα-TE	Ma-giê	40 mg	ARA	10 mg
Axit Linoleic	4 g	Vitamin K ₁	25 µg	Sắt	8 mg	α-lactalbumin	1700 mg
Axit α-Linolenic	350 mg	Niacin	8000 µg	Kẽm	3.5 mg	Casein phospho peptide	10 mg
Axit γ-Linolenic	15 mg	Axit Pantothenic	2000 µg	Đồng	320 µg	Lactoferrin	30 mg
Natri	200 mg	Axit Folic	50 µg	I-ốt	90 µg	β-carotene	60 µg
Vitamin A	510 µgRE	Biotin	20 µg	Mangan	30 µg	Nucleotides	12 mg
Vitamin B ₁	600 µg	Taurine	35 mg	Selen	15 µg	L-carnitine	10 mg
Vitamin B ₂	1000 µg	Choline	50 mg	Fructo-oligosaccharide	800 mg		

Hướng dẫn sử dụng (1 thìa: 5,6g)

SỐ LƯỢNG CHO 1 KHẨU PHẦN			Số lần uống mỗi ngày
Imperial KID XO GT	Số lượng thìa ước lượng	Lượng nước sau pha	
39 g	7	240 ml	2~3 lần

- Chuẩn bị sẵn nước đun sôi để nguội, nước ấm (50°C), rót vào trong cốc 2/3 số nước cần dùng cho 1 lần sử dụng.
- Đổ khoảng 39g sữa Imperial KID XO GT (7 thìa đầy) vào cốc và khuấy cho đến khi tan hết.
- Đổ thêm nước ấm cho đủ 240ml và cho trẻ ăn khi nhiệt độ của sữa bằng với nhiệt độ cơ thể.

Chú ý

- Chuẩn bị cho mỗi lần sử dụng và không cho bé dùng lại sữa thừa.
- Lấy thìa ở dưới nắp để sử dụng. Sau khi dùng, đặt lại thìa vào vị trí cũ.
- Cẩn thận để không bị thương khi gỡ thìa mỗi lần sử dụng.
- Sử dụng trong vòng 3 tuần sau khi mở nắp, và không để sữa trong tủ lạnh.
- Cẩn trọng khi mở nắp, lưu trữ và vứt bỏ. Lớp thiếc bên trong phải tháo bỏ ngay khi mở nắp.
- Kiểm tra kỹ các nguyên liệu xem trẻ có bị dị ứng với thành phần nào không trước khi cho trẻ sử dụng.

Nguyên liệu thô

- Tên sản phẩm : Imperial KID XO GT • Nhóm thực phẩm : Dành cho trẻ em • Khối lượng tịnh : 800 g
- Hạn sử dụng : Xem dưới đáy lon.
- Nguyên liệu thô : Bột sữa tách béo (sữa) (bột sữa tách béo, bột whey), Bột whey, Hỗn hợp các loại dầu [dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cọ, d-tocopherol], bột Sữa Nguyên Chất, Sữa tách béo, Dextrin, Tinh thể fructose, Đạm Whey tổng hợp, Fructo-oligosaccharide, Canxi carbonate, Kali phosphate dibasic, Đạm sữa thủy phân, Lecithin (đậu nành), Hương vani, Dầu hoa anh thảo, NDA-12(dầu cá ngừ, trứng), Sắt nhũ hóa, Vitamin Premix ND INF-P/01(vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin B₁₂, canxi pantothenate, vitamin B₂, vitamin B₁, vitamin B₆, axit folic, biotin), Canxi phosphate tribasic, Natri hydrogen carbonate, KI-180, Kali chloride, α-lactalbumin, Axit arachidonic, Kali phosphate monobasic, Natri chloride, Kali carbonate, Ma-giê phosphate dibasic, Vitamin C, Choline chloride, CPP(đạm sữa thủy phân), Taurine, Vitamin Premix ND INF O/01(vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin D₃, β-carotene, vitamin K₁), L-carnitine, 5'-Axit Cytidylic, Lactoferrin tổng hợp, Kẽm oxide, Disodium 5'-uridylylate, Selen premix, Axit 5'-Adenylic, Cupric sulfate, Disodium 5'-guanylate, Disodium 5'-inosinate, Mangan sulfate, Kali iodide.
- Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ
- Nơi đổi hoặc trả sản phẩm: nơi mua • Bảo quản: nhiệt độ phòng • Lon sữa này có thể được tái chế.
- Sản xuất bởi Namyang Dairy Products Co., Ltd. (Trụ sở chính) 240 Dosandae-ro Gangnam-gu, Seoul, Hàn Quốc (Nhà máy) 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong, Hàn Quốc.



STEEL
Cap: LDPE
Inner lid: Aluminum
Nitrogen Filling

Các giai đoạn cho sự tăng trưởng từng ngày về thể chất và trí tuệ của trẻ - sự lựa chọn tốt nhất cho các mẹ muốn nuôi dưỡng con cao hơn và thông minh hơn mỗi ngày là sữa 「Imperial KID XO GT」 của tập đoàn Namyang

Trẻ em từ hai đến mười lăm tuổi, tại thời điểm chuyển đổi chế độ ăn từ trẻ sơ sinh sang người lớn, có khác biệt về dinh dưỡng. Trong khoảng thời gian này trẻ nhanh chóng phát triển chiều cao, do đó trẻ có nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt, để tránh sự mất cân bằng về dinh dưỡng ảnh hưởng đến sự phát triển của vóc dáng và não bộ. Imperial KID XO của Namyang là giải pháp tốt nhất cho dinh dưỡng hợp lý trong giai đoạn tăng trưởng một khi đã qua thì rất khó bù đắp lại!

Vị ngon của bột sữa nguyên chất

Bột sữa ngon GT được sản xuất từ sữa tươi lấy từ nông trại mang đến vị sữa thật nguyên chất với nhiều dưỡng chất và sử dụng phương pháp đóng gói với khí ni tơ để giữ trọn nguồn dinh dưỡng phong phú và duy trì hương vị tươi mới của sản phẩm.

Tran Thanh Van (잔탄반), 주민등록번호: 079185015770, 이 베트남어 원본 문서를 한글로 정확히 번역하였음을 서약합니다.

Tôi Trần Thanh Vân, giấy chứng minh nhân dân số 079185015770 cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Hàn sang tiếng Việt.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021
번역원/ Người dịch



Trần Thanh Vân

호치민시 1 구 인민위원회에서 저는 1 구 사법실 부실장입니다.

Tran Thanh Van (잔탄반)은 번역문에 서명하였음을 증명합니다.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

(Bằng chữ: Ngày 17 tháng 5 năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt)

Tại Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi Đỗ Thị Thùy Nga là Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận 1.

Chúng thực

Bà Trần Thanh Vân là người đã ký vào bản dịch này.

11755

Số chứng thực:

Quyển số: 5/2021 - SCT/CKND

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận 1



Đỗ Thị Thùy Nga

